## mail.indovinabank.com.vn.gif

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

##

##

## HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH NGOẠI TỆ GIAO NGAY

***Áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp***

Số: ......./......./

 Hôm nay, ngày ....... tháng ....... năm ......., tại ......., các bên gồm:

**BÊN A**: **NGÂN HÀNG TNHH INDOVINA - CHI NHÁNH … (IVB)**

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

GPKD số:

Đại diện bởi Ông/Bà: Chức vụ:

Căn cứ Giấy ủy quyền số:

**BÊN B:**

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax

GPKD số:

Đại diện bởi Ông/Bà: Chức vụ:

Căn cứ Giấy ủy quyền số:

 Hai bên thống nhất ký kết **Hợp đồng giao dịch ngoại tệ giao ngay** (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản, điều kiện như sau:

# Điều 1: Thông tin giao dịch

|  |  |
| --- | --- |
| **Cặp đồng tiền giao dịch** | …/… |
| **Chiều giao dịch** | **❑ Bên A** mua của **Bên B****❑ Bên A** bán cho **Bên B** |
| **Số lượng giao dịch** | Bằng số: Bằng chữ: |
| **Tỷ giá giao ngay** |  |
| **Thành tiền** | Bằng số: Bằng chữ: |
| **Ngày hiệu lực thanh toán** | …/…/… |

# Điều 2: Nguồn gốc - mục đích sử dụng ngoại tệ:

1. Nguồn gốc ngoại tệ: (Trường hợp **Bên A** mua ngoại tệ của **Bên B**)

**Bên B** cam kết số ngoại tệ **Bên B** bán cho **Bên A** có nguồn gốc hoàn toàn hợp pháp và không vi phạm các quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của pháp luật Việt Nam và quy định nội bộ của IVB trong từng thời kỳ. **Bên A** có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) xác minh tính chính xác của nguồn gốc ngoại tệ do **Bên B** kê khai (nếu có).

1. Mục đích sử dụng ngoại tệ: (Trường hợp **Bên A** bán ngoại tệ cho **Bên B**)

🞏 Thanh toán/Ứng trước tiền hàng theo hợp đồng số……………ngày… /bảng kê thanh toán số… ngày

🞏 Thanh toán LC trả ngay/trả chậm số:

🞏 Trả nợ vay nước ngoài theo hợp đồng số……………...., ngày

🞏 Mục đích khác:

**Bên B** cam kết sử dụng số ngoại tệ do **Bên A** bán theo đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật. **Bên B** hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các loại giấy tờ, chứng từ đã xuất trình cho **Bên A**.

Trường hợp ngay sau khi hết thời hạn thanh toán/chuyển tiền ra nước ngoài (theo bộ chứng từ) mà **Bên B** không sử dụng hoặc chỉ sử dụng một phần số ngoại tệ đã mua thì vào ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày đến hạn thanh toán/chuyển tiền ra nước ngoài, **Bên A** được toàn quyền thực hiện mua lại số ngoại tệ đã bán mà **Bên B** không sử dụng hoặc sử dụng không hết theo tỷ giá mua do **Bên A** niêm yết.

# Điều 3: Chỉ dẫn thanh toán

Vào ngày hiệu lực thanh toán của Hợp đồng này:

|  |  |
| --- | --- |
| **Bên B** đồng ý cho **Bên A** ghi Nợ tài khoản: | **Bên A** thực hiện ghi Có tài khoản của **Bên B**: |
| Tài khoản số: | ....... | Tài khoản số: | ....... |
| tại: | ....... | tại: | ....... |
| Tên tài khoản: | ....... | Tên tài khoản: | ....... |
| Số tiền: | ....... | Số tiền: | ....... |

# Điều 4: Xử lý vi phạm

1. Trường hợp **Bên B** vi phạm bất kỳ nghĩa vụ, cam kết trong Hợp đồng này sẽ chịu mức phạt **vi phạm hợp đồng bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm**.
2. Ngoài ra, **Bên B** phải bồi thường thiệt hại theo thực tế phát sinh cho **Bên A**.
3. **Bên B** có trách nhiệm phải thanh toán đầy đủ tiền phạt vi phạm và phần bồi thường thiệt hại cho Bên A. Toàn bộ số tiền này **Bên B** mặc nhiên ghi nhận nợ với **Bên A**. Khi đó, **Bên B** đồng ý vô điều kiện để **Bên A** được toàn quyền tự động trích tiền từ tài khoản thanh toán hoặc tài khoản khác của **Bên B** mở tại **Bên A**.

Trong trường hợp **Bên A** đã thực hiện việc trích thu nêu trên nhưng vẫn không đủ để thanh toán tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại, **Bên B** đồng ý nhận nợ vô điều kiện số tiền này với **Bên A**. Khi đó, **Bên A** được toàn quyền truy đòi và/hoặc xử lý bất kỳ tài sản nào của **Bên B** hoặc áp dụng các biện pháp khác theo quy định pháp luật, thỏa thuận để thu hồi khoản nợ này.

# Điều 5: Điều khoản chung

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi các bên thực hiện xong quyền và nghĩa vụ của mình. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phải được các bên thoả thuận bằng văn bản có chữ ký của 02 Bên (hợp đồng sửa đổi, bổ sung). Các hợp đồng sửa đổi, bổ sung là một phần không tách rời của Hợp đồng.
2. Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên có quyền cùng nhau thương lượng để giải quyết. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này mà không thể giải quyết bằng thương lượng, đàm phán hoặc một bên/hai bên không thương lượng, đàm phán thì sẽ được giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
3. Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản gốc để thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện Bên A**(Ký tên và đóng dấu) | **Đại diện Bên B**(Ký tên và đóng dấu) |